

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-12-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc-Kiểm sát viên.

Ngày 13-12-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 05-10-2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-10-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 63/17 đường K, Khóm 4, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Chiêm Thu U, sinh năm 1967; Nơi cư trú cuối cùng: Số 63/17 đường K, Khóm 4, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G với ông U kết hôn với nhau vào năm 2000, có

đăng ký kết hôn tại UBND Phường 8, thị xã S (*nay là thành phố S*), tỉnh Sóc Trăng vào ngày 10-11-2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian đầu thì bà G với ông U chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2010 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vào khoảng tháng 10-2013 thì ông U đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không biết tin tức, đến ngày 19-5-2022, bà G yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tuyên bố ông U mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2022/QĐST-VDS. Nay bà G yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông U.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà G và ông U có 02 người con chung là Chiêm Tiểu P (nữ, sinh ngày 01-7-1997) và Chiêm Tiểu Q (nữ, sinh ngày 09-4-1999). Do các con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị G trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Chiêm Thu U đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Chiêm Thu U vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, ông Chiêm Thu U đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố

tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Chiêm Thu U.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Chiêm Thu U có nơi cư trú cuối cùng tại Số 63/17 đường K, Khóm 4, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn. Mặt khác, tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2022/QĐST-VDS ngày 19-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã tuyên bố ông Chiêm Thu U mất tích và quyết định hiện đang có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Đối với bị đơn là ông Chiêm Thu U sau khi thụ lý sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông U nhưng ông không có kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp và hòa giải nên điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91; điểm a Khoản 1 Điều 92; Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị G, Hội đồng xét xử nhận thấy,

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị G với ông Chiêm Thu U kết hôn với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 8, thị xã Sóc Trăng (*nay là thành phố Sóc Trăng*), tỉnh Sóc Trăng vào ngày 10-11-2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và tại thời điểm kết hôn bà G và ông U không vi phạm điều cấm kết hôn. Vì vậy, hôn nhân giữa bà G với ông U là hợp pháp theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

Trong thời gian đầu chung sống, thì bà G với ông U rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2010 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến khoảng tháng 10-2013 thì ông U đã bỏ nhà đi không biết tin tức từ đó cho đến nay. Do đó, ông bà đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, không sống chung với nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà G và ông U đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị G.

[4.2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà G và ông U có 02 người con chung là Chiêm Tiểu Phụng (nữ, sinh ngày 01-7-1997) và Chiêm Tiểu Quyên (nữ, sinh ngày 09-4-1999). Do các con chung đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị G trình bày là không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000722 ngày 30-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên bà G đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị G được ly hôn với ông Chiêm Thu U.
2. Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và bà Trần Thị G cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung : Bà Trần Thị G trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Bà Trần Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ

thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000722 ngày 30-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên bà Trần Thị G đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND Phường 8, TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc